TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ T** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2019/ DS-ST
Ngày: 20-3-2019
V/v tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ T, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ toạ phiên tòa: Ông Danh Đại Thắng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Đức Nhuận;

2. Bà Trần Ngọc Phương.

- Thư ký phiên toà: Ông Bùi Công Tứ – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã T, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã T tham gia phiên toà*:* Bà Nguyễn Thị Hạnh – Kiểm sát viên.

Vào ngày 20 tháng 3 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã T xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 257/2018/TLST-DS ngày 26 tháng 12 năm 2018 về "tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2019/QĐXXST - DS ngày ngày 15 tháng 02 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1964; trú tại: Số 81/3, Phan Văn T, Phường C, Quận B, Thành phố H;

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Hoàng T, sinh năm 1992; trú tại: Số 81/3, Phan Văn T, Phường C, Quận B, Thành phố H và ông Hồ Minh T, sinh năm 1974; trú tại: Số 90/46, Vũ T, phường A, quận B, Thành phố H, là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 03/8/2018). Có mặt.

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Hoàn Phúc L, sinh năm 1977; trú tại: 5/6 khu phố H, phường G, thị xã T, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 16-10-2018, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án người đại diện hợp pháp của nguyên đơn ông Nguyễn Hoàng Minh T và ông Hồ Minh T thống nhất trình bày:

Ông Nguyễn Văn H và ông Nguyễn Hoàn Phúc L có mối quan hệ quen biết từ trước. Khoảng tháng 10 năm 2017, ông H có cho ông L vay số tiền 367.500.000 đồng (ba trăm sáu mươi bảy triệu năm trăm nghìn đồng) để làm ăn, do quen biết hai bên chỉ thỏa thuận miệng với nhau mà không lập thành văn bản. Đến hạn trả nợ ông H nhiều lần yêu cầu ông L trả nợ thì ông L hứa hẹn và tìm cách tránh né ông H mà không trả nợ cho ông H.

Ngày 09/5/2018, sau nhiều lần thất hứa với ông H thì ông L có viết giấy mượn tiền cho ông H với nội dung là ông L có mượn của ông H số tiền 367.500.000 đồng (ba trăm sáu mươi bảy triệu năm trăm nghìn đồng) và cam kết đến ngày 09/7/2018 ông L sẽ hoàn trả toàn bộ số tiền nêu trên cho ông H. Ông L có ký tên, lăn tay vào giấy mượn tiền nêu trên. Đến hết thời hạn trả nợ nhưng ông L vẫn không trả tiền cho ông H như cam kết trong giấy mượn tiền.

Nay, ông Nguyễn Văn H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Nguyễn Hoàn Phúc L phải có trách nhiệm thanh toán cho ông Nguyễn Văn H số tiền 367.500.000 đồng (ba trăm sáu mươi bảy triệu năm trăm ngàn đồng), không yêu cầu tính lãi.

Chứng cứ, tài liệu nguyên đơn cung cấp: Bản photo giấy mượn tiền giữa ông Nguyễn Văn H và ông Nguyễn Hoàn Phúc L, chứng minh nhân dân, sổ hộ khẩu của ông L; Bản sao chứng minh nhân dân, sổ hộ khẩu của ông H; Bản chính Giấy ủy quyền ngày 03/8/2018.

Quá trình tố tụng, bị đơn ông Nguyễn Hoàn Phúc L đã được Tòa án tống đạt hợp lệ nhiều lần nhưng không đến Tòa án làm việc để cung cấp lời khai, tiếp cận công khai chứng cứ và tham gia phiên tòa.

Tại phiên tòa:

- Đại diện nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện buộc ông Nguyễn Hoàn Phúc L phải có trách nhiệm thanh toán cho ông Nguyễn Văn H số tiền 367.500.000 đồng (ba trăm sáu mươi bảy triệu năm trăm ngàn đồng), không yêu cầu tính lãi

- Đại diện Viện Kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký Tòa án: Thẩm phán được phân công thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ các qui định tại điều 203 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Tại phiên tòa , Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng các qui định của Bộ luật Tố tụng dân sự về xét xử sơ thẩm.

Về việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo qui định của của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt xem như từ bỏ quyền và nghĩa vụ chứng minh của mình.

Về nội dung vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận

toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn về việc "Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản".

Những yêu cầu, kiến nghị để khác phục vi phạm về tố tụng: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Theo biên bản xác minh ngày 28/12/2018 ông Nguyễn Hoàn Phúc L có địa chỉ thường trú tại địa chỉ 5/6 khu phố H, phường G, thị xã T, tỉnh Bình Dương nhưng đã bỏ đi khỏi địa phương từ tháng 01/2018, khi đi không thông báo địa chỉ mới cho cơ quan, người có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về cư trú làm cho người khởi kiện không biết được địa chỉ mới của mình nhằm mục đích che giấu địa chỉ, trốn tránh nghĩa vụ đối với người khởi kiện theo quy định tại điểm e khoản 1 Điều 192 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Tòa án đã tiến hành thủ tục niêm yết công khai hợp lệ các văn bản tống tụng cho bị đơn theo đúng quy định tại các Điều 170, 177 và Điều 179 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nhưng bị đơn ông Nguyễn Hoàn Phúc L đều vắng mặt không rõ lý do. Như vậy, việc bị đơn vắng mặt được xem là từ bỏ quyền trình bày, đưa ra chứng cứ, chứng minh để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Do đó, Toà án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định của pháp luật tại khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Về quan hệ pháp luật: Căn cứ vào Giấy mượn tiền giữa ông Nguyễn Văn H và ông Nguyễn Hoàn Phúc L thể hiện nội dung: Ông Nguyễn Hoàn Phúc L xác nhận có mượn ông Nguyễn Văn H số tiền 367.500.000 đồng (ba trăm sáu mươi bảy triệu năm trăm ngàn đồng) ông L cam kết đúng ngày 09/7/2018 thì ông Lâm sẽ trả số tiền cho ông H, nên quan hệ tranh chấp là tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng Dân sự và Điều 463 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[1.3] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn ông Nguyễn Hoàn Phúc L có địa chỉ thường trú tại số 5/6 khu phố H, phường T, thị xã T, tỉnh Bình Dương. Vì vậy thẩm quyền giải quyết vụ án của Tòa án nhân dân thị xã T theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung vụ án:

Nguyên đơn ông Nguyễn Văn H và ông bị đơn ông Nguyễn Hoàn Phúc L có mối quan hệ quen biết từ trước. Khoảng tháng 10 năm 2017, ông H có cho ông Lâm vay số tiền 367.500.000 đồng (ba trăm sáu mươi bảy triệu năm trăm nghìn đồng) để làm ăn, do quen biết hai bên chỉ thỏa thuận miệng với nhau mà không lập thành văn bản. Đến hạn trả nợ ông Hoàng nhiều lần yêu cầu ông L trả nợ thì ông L hứa hẹn và tìm cách tránh né ông H mà không trả nợ cho ông H. Ngày 09/5/2018, ông L có viết giấy mượn tiền cho ông H với nội dung là ông L có mượn của ông H số tiền 367.500.000 đồng (ba trăm sáu mươi bảy triệu năm

trăm nghìn đồng) và cam kết đến ngày 09/7/2018 ông L sẽ hoàn trả toàn bộ số tiền nêu trên cho ông Hoàng. Ông L có ký tên, lăn tay vào giấy mượn tiền nêu trên. Tuy nhiên đến hết thời hạn trả nợ nhưng ông L vẫn không trả tiền nợ cho ông H như cam kết trong giấy mượn tiền.

Do đó, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn phải có trách nhiệm thanh toán cho nguyên đơn số tiền 367.500.000 đồng (ba trăm sáu mươi bảy triệu năm trăm ngàn đồng) và không yêu cầu tính lãi.

Nguyên đơn cung cấp được giấy mượn tiền có chữ viết, ký tên và lăn tay của bị đơn.

Xét thấy, việc ông bị đơn không trả nợ vay cho ông nguyên đơn khi đến hạn là vi phạm nghĩa vụ trả nợ quy định tại Điều 466 của Bộ luật Dân sự 2005. Chứng cứ do nguyên đơn cung cấp trong quá trình giải quyết vụ án là đúng quy định. Bị đơn không tham gia tố tụng, Tòa án đã tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và đã thông báo kết quả phiên họp cho bị đơn nhưng bị đơn không có ý kiến phản bác gì đối với chứng cứ trên. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ chứng cứ nguyên đơn cung cấp làm cơ sở xem xét quyền và nghĩa vụ của các bên tham gia giao kết hợp đồng vay tài sản.

Nguyên đơn tự nguyên không yêu cầu bị đơn trả tiền lãi suất nên ghi nhận.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn thanh toán cho nguyên đơn số tiền vay là 367.500.000 đồng (ba trăm sáu mươi bảy triệu năm trăm nghìn đồng).

[3] Về quan điểm của Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền phải trả cho nguyên đơn theo quy định của pháp luật; trả lại cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 3 Điều 26; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Khoản 1 Điều 39; Điều Điều 170; Điều 177; Điều 179; Điều 192; Khoản 2 Điều 227, Điều 228; Điều 266 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015;

- Điều 463, Điều 466 của Bộ luật Dân sự 2015;

- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn H về việc tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản với bị đơn ông Nguyễn Hoàn Phúc L.

Buộc ông Nguyễn Hoàn phúc L phải thanh toán cho ông Nguyễn Văn H số tiền 367.500.000 đồng (ba trăm sáu mươi bảy triệu năm trăm ngàn đồng).

Ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn H không yêu cầu ông Nguyễn Hoàn phúc L thanh toán tiền lãi.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Nguyễn Hoàn Phúc L phải chịu 18.375.000 đồng (mười tám triệu ba trăm bảy mươi năm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại cho ông Nguyễn Văn H số tiền 9.187.500 đồng (chín triệu một trăm tám mươi bảy nghìn năm trăm đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0024713 ngày 24/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã T, tỉnh Bình Dương.

3. Quyền kháng cáo:

Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trong trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã T;
- Chi cục THADS thị xã T;
- Các đương sự;
- Lưu HS, AV.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Danh Đại Thắng